

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Số: 3842 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao tài sản của Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp
kết thúc cho các đơn vị quản lý, sử dụng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-BTC ngày 16/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính điều chuyển tài sản;

Căn cứ Quyết định số 4540/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4091/STC-QLCSGC ngày 22/9/2017 về thực hiện tiếp nhận tài sản của Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp kết thúc, giao cho các đơn vị quản lý, sử dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản của Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp kết thúc điều chuyển về UBND tỉnh Thanh Hóa có tổng nguyên giá theo sổ kế toán là 5.812.476.480 đồng (Năm tỷ, tám trăm mười hai triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi đồng), giá trị còn lại theo sổ kế toán là 4.201.010.580 đồng cho các đơn vị thuộc tỉnh Thanh Hóa quản lý, sử dụng.

(Chi tiết tài sản và đơn vị quản lý, sử dụng theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo đúng quy định về bàn giao, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản nhà nước.

2. Đơn vị đang quản lý tài sản của dự án đã kết thúc, đơn vị được tiếp nhận tài sản và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận và báo cáo, hạch toán tài sản theo đúng quy định hiện hành.

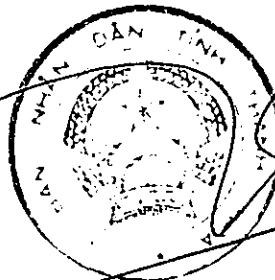
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng các Chi cục: Kiểm lâm, Lâm nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện: Ngọc Lặc, Triệu Sơn, Tĩnh Gia, Hà Trung, Như Thanh, Thạch Thành; Giám đốc các Ban quản lý rừng phòng hộ: Như Xuân, Mường Lát, Thạch Thành, Thanh Kỳ, Sim; Thủ trưởng các đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lct*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT (để b/c);
- Ban QLDA Phát triển ngành lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- PCT UBND tỉnh Lê Thị Thìn;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH** *Chan*



Lê Thị Thìn

Phụ lục I
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
 (Kèm theo Quyết định số 3842/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa							61.180.000		61.180.000		42.826.000
1	Máy tính Lenovo xách tay G480	4	Lenovo G480	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	61.180.000		61.180.000		42.826.000

u

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
 (Kèm theo Quyết định số: 3812/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

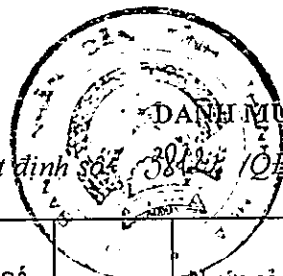
STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa							149.913.500	8.077.500	141.836.000	-	122.698.925
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
4	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
5	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
6	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
7	Máy thổi gió KMD 850B	1	KMD 850B	Hàn Quốc	2014	2014	Mua mới	10.648.000		10.648.000		8.651.500
8	Loa chỉ huy TOAER 1215S	1	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	2.002.000		2.002.000		1.626.625
9	Máy cưa xích DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	1	DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	7.986.000		7.986.000		6.488.625

Phụ lục III
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
 (Kèm theo Quyết định số: 3812/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	Chi cục Lâm nghiệp Thanh Hóa							1.131.780.570	20.760.000	1.111.020.570	0	745.418.134
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
4	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
5	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
6	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
7	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
8	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
9	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
10	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
11	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
12	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
13	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
14	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
15	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
16	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
17	Tủ sắt CAT 09K3	12	CAT 09K3	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	41.276.400		41.276.400		24.765.840
18	Tủ tài liệu HS 03GC	3	HS 03GC	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	18.658.200		18.658.200		11.194.920
19	Bàn vi tính H-BT15M	10	H-BT15M	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	17.050.000		17.050.000		10.230.000
20	Kết sắt	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.790		6.070.790		3.642.474
21	Ghế gấp HP0298	20	HP0298	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	7.299.600		7.299.600		4.379.760
22	Ghế làm việc 1 SG550H	10	SG550H	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.490.000		6.490.000		3.894.000
23	Ghế làm việc 2 TQ19	3	TQ19	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	18.212.385		18.212.385		10.927.431
24	Bàn làm việc 1 MB16	5	MB16	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	13.222.000		13.222.000		7.933.200
25	Bàn làm việc 2 (HS18BA+MGTA10a+MGH40)	3	(HS18BA+MGTA10a+MGH40)	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	25.047.000		25.047.000		15.028.200
26	Máy đóng chứng từ DS	1	DS	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.699.400		2.699.400		1.619.640
27	Máy làm nóng lạnh nước	2		Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	6.309.600		6.309.600		3.785.760

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Mã hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
28	Quạt cây Mitshubitshi LV16-RM-CYGY	2	ALV16-RM-CYGY	Thái Lan	2013	2013	Mua mới	4.730.000		4.730.000		2.838.000
29	Bảng từ di động HBV05	1	HBV05	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.749.015		2.749.015		1.649.409
30	Điện thoại chức năng Fax panasonic KX - FT983	1	KX - FT983	MALAYSIA	2013	2013	Mua mới	2.449.700		2.449.700		1.469.820
31	Máy tính xách tay (AUS K46CA-WX013)	1	(AUS K46CA-WX013)	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	19.615.000		19.615.000		11.769.000
32	Máy tính xách tay Lenovo G480	5	Lenovo G480	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	76.475.000		76.475.000		53.532.500
33	Máy tính đồng bộ FANTOM F2968A	5	FANTOM F2968A	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	79.800.000		79.800.000		55.860.000
34	Máy Photocopy SHARP AR7531	1	SHARP AR7531	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	66.500.000		66.500.000		54.031.250
35	Máy in LASER BROTHER HL-2250DN	4	HL-2250DN	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	13.300.000		13.300.000		10.806.250
36	Máy SCAN HP PRO 3000S2	1	PRO 3000S2	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	12.901.000		12.901.000		9.030.700
37	Máy chiếu BENQ MX660	1	BENQ MX660	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	19.950.000		19.950.000		13.965.000
38	Màn chiếu REGENT MF 84	1	REGENT MF 84	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	1.197.000		1.197.000		972.563
39	Máy ảnh CANON POWERSHOT SX 170 IS	1	SX 170 IS	Nhật Bản	2013	2013	Mua mới	5.320.000		5.320.000		4.322.500
40	Máy ảnh CANON POWERSHOT SX D60 IS	1	SX D60 IS	Nhật Bản	2013	2013	Mua mới	33.250.000		33.250.000		27.015.625
41	Máy định vị cầm tay GARMIN GPSMAP 62 SC	2	GARMIN GPSMAP 62 SC	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	25.270.000		25.270.000		20.531.875
42	Máy điều hòa MIDEA MSM - 12CR	2	MSM - 12CR	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	26.600.000		26.600.000		18.620.000
43	Loa chỉ huy TOAER 1215S	1	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	2.002.000		2.002.000		1.626.625
44	Máy phát điện 5 kw	1			2012	2012	Mua mới	28.677.000		28.677.000		11.470.800
	Máy bơm nước 1,5 kw				2012	2012	Mua mới	9.460.000		9.460.000		3.784.000
45	Bồn chứa nước 3000 L	1			2012	2012	Mua mới	17.974.000		17.974.000		7.189.600
46	Máy Bơm nước 3 kw	15			2012	2012	Mua mới	99.000.000		99.000.000		39.600.000
47	Cân phân tích	1			2012	2012	Mua mới	73.465.480		73.465.480		29.386.192



Phụ lục IV

DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	BQL rừng phòng hộ Như Xuân							64.387.500	4.087.500	60.300.000	0	53.837.375
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650

Uel



Phụ lục V

BẢNG MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số: 3892/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	BQL rừng phòng hộ Mường Lát							43.092.500	2.692.500	40.400.000	0	35.310.720
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650



Phụ lục VI

DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số: 3842/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	BQL rừng phòng hộ Thanh Kỳ							35.277.000	0	35.277.000	0	14.110.800
1	Máy Bơm nước 3 kw	1	Wave S	Việt Nam	2012	2012	Mua mới	6.600.000		6.600.000		2.640.000
2	Máy phát điện 5 kw	1	Wave S	Việt Nam	2012	2012	Mua mới	28.677.000		28.677.000		11.470.800

[Signature]

Phụ lục VII
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
 (Kèm theo Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	BQL rừng phòng hộ Sim							95.660.500	4.087.500	91.573.000	0	66.346.575
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
4	Máy bơm nước 1,5 kw	2			2012	2012	Mua mới	9.460.000		9.460.000		3.784.000
5	Bồn chứa nước 5000 L	1			2012	2012	Mua mới	21.813.000		21.813.000		8.725.200

Phụ lục VIII
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
 (Kèm theo Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

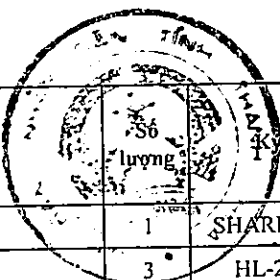
Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	BQL rừng phòng hộ Thạch Thành							245.784.000	-	245.784.000	-	183.437.100
1	Máy thổi gió KMD 850B	10	KMD 850B	Hàn Quốc	2014	2014	Mua mới	106.480.000		106.480.000		86.515.000
2	Loa chỉ huy TOAER 1215S	10	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	20.020.000		20.020.000		16.266.250
3	Máy cưa xích DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	10	DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	79.860.000		79.860.000		64.886.250
4	Máy nổ D6 và ống bơm	1			2012	2012	Mua mới	21.450.000		21.450.000		8.580.000
5	Bồn chứa nước 3000 L	1			2012	2012	Mua mới	17.974.000		17.974.000		7.189.600

Phụ lục IX
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
 (Kèm theo Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Lặc							693.922.705	7.882.500	686.040.205		509.506.698
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
4	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
5	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
6	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
7	Tủ sắt CAT 09K3	8	CAT 09K3	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	27.517.600		27.517.600		16.510.560
8	Tủ tài liệu HS 03GC	1	HS 03GC	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.219.400		6.219.400		3.731.640
9	Bàn vi tính H-BT15M	8	H-BT15M	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	13.640.000		13.640.000		8.184.000
10	Kết sắt	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.790		6.070.790		3.642.474
11	Ghế gấp	34		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	12.409.320		12.409.320		7.445.592
12	Ghế làm việc	8		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	5.192.000		5.192.000		3.115.200
13	Ghế làm việc	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.795		6.070.795		3.642.477
14	Bàn làm việc	11		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	29.088.400		29.088.400		17.453.040
15	Bàn làm việc	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	8.349.000		8.349.000		5.009.400
16	Máy đóng chứng từ	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.699.400		2.699.400		1.619.640
17	Máy làm nóng lạnh nước	1		Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	3.154.800		3.154.800		1.892.880
18	Quạt cây Mitshubitshi	2	Mitshubitshi	Thái Lan	2013	2013	Mua mới	4.730.000		4.730.000		2.838.000
19	Bảng từ di động	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.750.000		2.750.000		1.650.000
20	Điện thoại chức năng fax panasonic KX - FT983	1	panasonic KX - FT983	MALAYSIA	2013	2013	Mua mới	2.449.700		2.449.700		1.469.820
21	Máy tính xách tay (AUS K46CA-WX013)	1	(AUS K46CA-WX013)	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	19.615.000		19.615.000		11.769.000
22	Máy tính xách tay Lenovo G480	3	Lenovo G480	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	45.885.000		45.885.000		32.119.500
23	Máy tính đồng bộ FANTOM F2968A	4	FANTOM F2968A	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	63.840.000		63.840.000		44.688.000



STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
24	Máy Photocopy SHARP AR2576	1	SHARP AR2576	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	51.870.000		51.870.000		42.144.375
25	Máy in LASER BROTHER HL-2250DN	3	HL-2250DN	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	9.975.000		9.975.000		8.104.688
26	Máy SCAN HP PRO 3000S2	1	PRO 3000S2	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	12.901.000		12.901.000		9.030.700
27	Máy chiếu BENQ MX660	1	BENQ MX660	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	19.950.000		19.950.000		13.965.000
28	Màn chiếu REGENT MF 84	1	REGENT MF 84	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	1.197.000		1.197.000		972.563
29	Máy ảnh CANON POWERSHOT SX 170 IS	1	POWERSHOT SX 170 IS	Nhật Bản	2013	2013	Mua mới	5.320.000		5.320.000		4.322.500
30	Máy định vị cầm tay GARMIN GPSMAP 62 SC	2	GARMIN GPSMAP 62 SC	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	25.270.000		25.270.000		20.531.875
31	Máy điều hòa MIDEA MSM - 12CR	2	MSM - 12CR	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	26.600.000		26.600.000		18.620.000
32	Máy thổi gió KMD 850B	6	KMD 850B	Hàn Quốc	2014	2014	Mua mới	63.888.000		63.888.000		51.909.000
33	Loa chi huy TOAER 1215S	6	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	12.012.000		12.012.000		9.759.750
34	Máy cưa xích DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	6	DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	47.916.000		47.916.000		38.931.750
35	Biển báo phòng cháy chữa cháy	6		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	18.480.000		18.480.000		15.015.000
36	Bảng cảm lửa	60		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	8.580.000		8.580.000		6.971.250



Phụ lục X

DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 3842/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	UBND huyện Triệu Sơn							610.345.245	7.980.000	602.365.245	-	448.162.872
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
4	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
5	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
6	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
7	Tủ sắt CAT 09K3	8	CAT 09K3	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	27.517.600		27.517.600		16.510.560
8	Tủ tài liệu HS 03GC	1	HS 03GC	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.219.400		6.219.400		3.731.640
9	Bàn vi tính HBT15M	8	HBT15M	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	13.640.000		13.640.000		8.184.000
10	Kết sắt KA180	1	KA180	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.790		6.070.790		3.642.474
11	Ghế gấp HP0298	22	HP0298	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	8.029.560		8.029.560		4.817.736
12	Ghế làm việc 1 SG550H	8	SG550H	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	5.192.000		5.192.000		3.115.200
13	Ghế làm việc 2 TQ19	1	TQ19	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.795		6.070.795		3.642.477
14	Bàn làm việc 1 MB16	8	MB16	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.155.200		21.155.200		12.693.120
15	Bàn làm việc 2 (HS18BA MGTA10a+MGH40)	1	HS18BA MGTA10a+MGH40	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	8.349.000		8.349.000		5.009.400
16	Máy đóng chứng từ DS	1	DS	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.699.400		2.699.400		1.619.640
17	Máy làm nóng lạnh nước Daiwa 1662b	1	Daiwa 1662b	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	3.154.800		3.154.800		1.892.880
18	Quạt cây Mithubitshi LV16-RM-CYGY	2	LV16-RM-CYGY	Thái Lan	2013	2013	Mua mới	4.730.000		4.730.000		2.838.000
19	Bang từ di động HBV05	1	HBV05	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.750.000		2.750.000		1.650.000
20	Điện thoại chức năng Fax panasonic KX - FT983	1	panasonic KX - FT983	MALAYSIA	2013	2013	Mua mới	2.449.700		2.449.700		1.469.820
21	Máy tính xách tay (AUS K46CA-WX013)	1	AUS K46CA-WX013	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	19.615.000		19.615.000		11.769.000

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Tên tài sản	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
22	Máy tính xách tay Lenovo G480	3	Lenovo G480	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	45.885.000		45.885.000		32.119.500
23	Máy tính đồng bộ FANTOM F2968A	3	FANTOM F2968A	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	47.880.000		47.880.000		33.516.000
24	Máy Photocopy SHARP AR5726	1	SHARP AR5726	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	51.870.000		51.870.000		42.144.375
25	Máy in LASER BROTHER HL-2250DN	3	BROTHER HL-2250DN	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	9.975.000		9.975.000		8.104.688
26	Máy SCAN HP PRO 3000S2	1	HP PRO 3000S2	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	12.901.000		12.901.000		9.030.700
27	Máy chiếu BENQ MX660	1	BENQ MX660	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	19.950.000		19.950.000		13.965.000
28	Màn chiếu REGENT MF 84	1	REGENT MF 84	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	1.197.000		1.197.000		972.563
29	Máy ảnh CANON POWERSHOT SX 170 IS	1	POWERSHOT SX 170 IS	Nhật Bản	2013	2013	Mua mới	5.320.000		5.320.000		4.322.500
30	Máy định vị cầm tay GARMIN GPSMAP 62 SC	2	GARMIN GPSMAP 62 SC	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	25.270.000		25.270.000		20.531.875
31	Máy điều hòa MIDEA MSM - 12CR	2	MIDEA MSM - 12CR	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	26.600.000		26.600.000		18.620.000
32	Máy thổi gió KMD 850B	4	KMD 850B	Hàn Quốc	2014	2014	Mua mới	42.592.000		42.592.000		34.606.000
33	Loa chỉ huy TOAER 1215S	4	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	8.008.000		8.008.000		6.506.500
34	Máy cưa xích DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	4	DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	31.944.000		31.944.000		25.954.500
35	Biển báo phòng cháy chữa cháy	3		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	9.240.000		9.240.000		7.507.500
36	Bảng cấm lửa	30		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	4.290.000		4.290.000		3.485.625



Phụ lục XI

DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

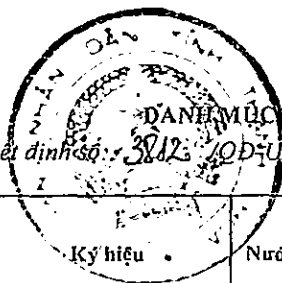
(Kèm theo Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia							831.174.985	9.277.500	821.897.485	0	620.555.466
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
4	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
5	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.075
6	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
7	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
8	Tủ sắt CAT 09K3	8	CAT 09K3	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	27.517.600		27.517.600		16.510.560
9	Tủ tài liệu HS 03GC	1	HS 03GC	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.219.400		6.219.400		3.731.640
10	Bàn vi tính H-BT15M	8	H-BT15M	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	13.640.000		13.640.000		8.184.000
11	Kết sắt	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.790		6.070.790		3.642.474
12	Ghế gấp HP0298	50	HP0298	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	18.249.000		18.249.000		10.949.400
13	Ghế làm việc 1 SG550H	8	SG550H	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	5.192.000		5.192.000		3.115.200
14	Ghế làm việc 2 TQ19	1	TQ19	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.795		6.070.795		3.642.477
15	Bàn làm việc 1 MB16	15	MB16	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	39.666.000		39.666.000		23.799.600
16	Bàn làm việc 2 (HS18BA+MGTA10a+MGH40)	1	(HS18BA+MGTA10a+MGH40)	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	8.349.000		8.349.000		5.009.400
17	Máy đóng chứng từ DS	1	DS		2013	2013	Mua mới	2.699.400		2.699.400		1.619.640
18	Máy làm nóng lạnh nước	1		Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	3.154.800		3.154.800		1.892.880
19	Quạt cây Mithubitsi LV16-RM-CYGY	2	LV16-RM-CYGY		2013	2013	Mua mới	4.730.000		4.730.000		2.838.000
20	Bàn từ di động HBV05	1	HBV05	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.750.000		2.750.000		1.650.000

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
21	Điện thoại chức năng Fax panasonic KX - FT983	1	KX - FT983	MALAYSIA	2013	2013	Mua mới	2.449.700		2.449.700		1.469.820
22	Máy tính xách tay (AUS K46CA-WX013)	1	(AUS K46CA-WX013)	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	19.615.000		19.615.000		11.769.000
23	Máy tính xách tay Lenovo G480	3	Lenovo G480	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	45.885.000		45.885.000		32.119.500
24	Máy tính đồng bộ FANTOM F2968A	3	FANTOM F2968A	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	47.880.000		47.880.000		33.516.000
25	Máy Photocopy SHARP AR2576	1	SHARP AR2576	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	51.870.000		51.870.000		42.144.375
26	Máy in LASER BROTHER HL-2250DN	3	HL-2250DN	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	9.975.000		9.975.000		8.104.688
27	Máy SCAN HP PRO 3000S2	1	PRO 3000S2	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	12.901.000		12.901.000		9.030.700
28	Máy chiếu BENQ MX660	1	MX660	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	19.950.000		19.950.000		13.965.000
29	Màn chiếu REGENT MF 84	1	MF 84	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	1.197.000		1.197.000		972.563
30	Máy ảnh CANON POWERSHOT SX 170 IS	1	SX 170 IS	Nhật Bản	2013	2013	Mua mới	5.320.000		5.320.000		4.322.500
31	Máy định vị cầm tay GARMIN GPSMAP 62 SC	2	GARMIN GPSMAP 62 SC	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	25.270.000		25.270.000		20.531.875
32	Máy điều hòa MIDEA MSM - 12CR	2	MSM - 12CR	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	26.600.000		26.600.000		18.620.000
33	Máy thổi gió KMD 850B	5	KMD 850B	Hàn Quốc	2014	2014	Mua mới	53.240.000		53.240.000		43.257.500
34	Loa chỉ huy TOAER 1215S	10	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	20.020.000		20.020.000		16.266.250
35	Máy cưa xích DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	5	DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	39.930.000		39.930.000		32.443.125
36	Biển báo phòng cháy chữa cháy	10		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	30.800.000		30.800.000		25.025.000
37	Bảng cấm lửa	60		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	8.580.000		8.580.000		6.971.250
38	Máy thổi gió KMD 850B	6	KMD 850B	Hàn Quốc	2014	2014	Mua mới	63.888.000		63.888.000		51.909.000
39	Loa chỉ huy TOAER 1215S	1	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	2.002.000		2.002.000		1.626.625
40	Máy cưa xích DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	6	DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	47.916.000		47.916.000		38.931.750

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
25	Máy in LASER BROTHER HL-2250DN	3	BROTHER HL-2250DN	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	9.975.000		9.975.000		8.104.688
26	Máy SCAN HP PRO 3000S2	1	HP PRO 3000S2	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	12.901.000		12.901.000		9.030.700
27	Máy chiếu BENQ MX660	1	BENQ MX660	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	19.950.000		19.950.000		13.965.000
28	Màn chiếu REGENT MF 84	1	REGENT MF 84	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	1.197.000		1.197.000		972.563
29	Máy ảnh CANON POWERSHOT SX 170 IS	1	POWERSHOT SX 170 IS	Nhật Bản	2013	2013	Mua mới	5.320.000		5.320.000		4.322.500
30	Máy định vị cầm tay GARMIN GPSMAP 62 SC	2	GARMIN GPSMAP 62 SC	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	25.270.000		25.270.000		20.531.875
31	Máy điều hòa MIDEA MSM - 12CR	2	MSM - 12CR	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	26.600.000		26.600.000		18.620.000
32	Máy thổi gió KMD 850B	5	KMD 850B	Hàn Quốc	2014	2014	Mua mới	53.240.000		53.240.000		43.257.500
33	Loa chi huy TOAER 1215S	5	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	10.010.000		10.010.000		8.133.125
34	Máy cưa xích DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	5	DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	39.930.000		39.930.000		32.443.125
35	Biển báo phòng cháy chữa cháy	4		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	12.320.000		12.320.000		10.010.000
36	Bảng cấm lửa	40		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	5.720.000		5.720.000		4.647.500



Phụ lục XII

DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 3212/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung							639.758.065	8.077.500	631.680.565	-	477.157.164
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		18.081.575
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		18.081.575
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		18.081.575
4	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
5	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
6	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
7	Tủ sắt CAT 09K3	8	CAT 09K3	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	27.517.600		27.517.600		16.510.560
8	Tủ tài liệu HS 03GC	1	HS 03GC	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.219.400		6.219.400		3.731.640
9	Bàn vi tính H-BT15M	8	H-BT15M	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	13.640.000		13.640.000		8.184.000
10	Két sắt	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.790		6.070.790		3.642.474
11	Ghế gấp HP0298	26	HP0298	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	9.489.480		9.489.480		5.693.688
12	Ghế làm việc 1 SG550H	8	SG550H	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	5.192.000		5.192.000		3.115.200
13	Ghế làm việc 2 TQ19	1	TQ19	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.795		6.070.795		3.642.477
14	Bàn làm việc 1 MB16	9	MB16	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	23.799.600		23.799.600		14.279.760
15	Bàn làm việc 2 (HS18BA+MGTA10a+MGH40)	1	HS18BA+MGTA10a+MGH40	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	8.349.000		8.349.000		5.009.400
16	Máy đóng chứng từ DS	1	DS	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.699.400		2.699.400		1.619.640
17	Máy làm nóng lạnh nước	1		Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	3.154.800		3.154.800		1.892.880
18	Quạt cây Mitsubishi LV16-RM-CYGY	2	LV16-RM-CYGY	Thái Lan	2013	2013	Mua mới	4.730.000		4.730.000		2.838.000
19	Bảng từ di động HBV05	1	HBV05	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.750.000		2.750.000		1.650.000
20	Điện thoại chức năng Fax panasonic KX - FT983	1	panasonic KX - FT983	MALAYSIA	2013	2013	Mua mới	2.449.700		2.449.700		1.469.820
21	Máy tính xách tay (AUS K46CA-WX013)	1	AUS K46CA-WX013	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	19.615.000		19.615.000		11.769.000
22	Máy tính xách tay Lenovo G480	2	Lenovo G480	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	30.590.000		30.590.000		21.413.000
23	Máy tính đồng bộ FANTOM F2968A	4	FANTOM F2968A	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	63.840.000		63.840.000		44.688.000
24	Máy Photocopy SHARP AR2576	1	SHARP AR2576	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	51.870.000		51.870.000		42.144.375

Phụ lục XIII
DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG
(Kèm theo Quyết định số: 3812/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
	UBND huyện Như Thanh							610.345.245	7.980.000	602.365.245	-	448.162.877
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.07
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.07
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.07
4	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000		16.784.07
5	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
6	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000		18.526.650
7	Tủ sắt CAT 09K3	8	CAT 09K3	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	27.517.600		27.517.600		16.510.56
8	Tủ tài liệu HS 03GC	1	HS 03GC	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.219.400		6.219.400		3.731.64
9	Bàn vi tính H-BT15M	8	H-BT15M	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	13.640.000		13.640.000		8.184.00
10	Kết sắt	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.790		6.070.790		3.642.47
11	Ghế gấp HP0298	22	HP0298	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	8.029.560		8.029.560		4.817.73
12	Ghế làm việc 1 SG550H	8	SG550H	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	5.192.000		5.192.000		3.115.200
13	Ghế làm việc 2 TQ19	1	TQ19	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.795		6.070.795		3.642.477
14	Bàn làm việc 1 MB16	8	MB16	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.155.200		21.155.200		12.693.120
15	Bàn làm việc 2 (HS18BA+MGTA10a+MGH40)	1	(HS18BA+MGTA10a+MGH40)	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	8.349.000		8.349.000		5.009.400
16	Máy đóng chứng từ DS	1	DS	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.699.400		2.699.400		1.619.64
17	Máy làm nóng lạnh nước	1		Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	3.154.800		3.154.800		1.892.880
18	Quạt cây Mithubitshi LV16-RM-CYGY	2	LV16-RM-CYGY	Thái Lan	2013	2013	Mua mới	4.730.000		4.730.000		2.838.000
19	Bảng từ di động HBV05	1	HBV05	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.750.000		2.750.000		1.650.000
20	Điện thoại chức năng Fax panasonic KX - FT983	1	panasonic KX - FT983	MALAYSIA	2013	2013	Mua mới	2.449.700		2.449.700		1.469.820
21	Máy tính xách tay (AUS K46CA-WX013)	1	(AUS K46CA-WX013)	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	19.615.000		19.615.000		11.769.000
22	Máy tính xách tay Lenovo G480	3	Lenovo G480	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	45.885.000		45.885.000		32.119.500
23	Máy tính đồng bộ FANTOM F2968A	3	FANTOM F2968A	Việt Nam ₁	2013	2013	Mua mới	47.880.000		47.880.000		33.516.000
24	Máy Photocopy SHARP AR2576	1	SHARP AR2576	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	51.870.000		51.870.000		42.144.37

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá				Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	Nguồn khác	
25	Máy in LASER BROTHER HL-2250DN	3	BROTHER HL-2250DN	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	9.975.000		9.975.000		8.104.680
26	Máy SCAN HP PRO 3000S2	1	HP BRO 3000S2	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	12.901.000		12.901.000		9.030.700
27	Máy chiếu BENQ MX660	1	BENQ MX660	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	19.950.000		19.950.000		13.965.000
28	Màn chiếu REGENT MF 84	1	REGENT MF 84	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	1.197.000		1.197.000		972.563
29	Máy ảnh CANON POWERSHOT SX 170 IS	1	POWERSHOT SX 170 IS	Nhật Bản	2013	2013	Mua mới	5.320.000		5.320.000		4.322.500
30	Máy định vị cầm tay GARMIN GPSMAP 62 SC	2	GARMIN GPSMAP 62 SC	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	25.270.000		25.270.000		20.531.875
31	Máy điều hòa MIDEA MSM - 12CR	2	MIDEA MSM - 12CR	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	26.600.000		26.600.000		18.620.000
32	Máy thổi gió KMD 850B	4	KMD 850B	Hàn Quốc	2014	2014	Mua mới	42.592.000		42.592.000		34.606.000
33	Loa chỉ huy TOAER 1215S	4	TOAER 1215S	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	8.008.000		8.008.000		6.506.500
34	Máy cưa xích DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	4	DCS 4610 45 CM/18"3/8"ST	Nhật Bản	2014	2014	Mua mới	31.944.000		31.944.000		25.954.500
35	Biển báo phòng cháy chữa cháy	3		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	9.240.000		9.240.000		7.507.500
36	Bảng cấm lửa	30		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	4.290.000		4.290.000		3.485.620



Phụ lục XIV

DANH MỤC TÀI SẢN GIAO QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 3812/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Ký hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá			Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	
	Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thành							599.854.665	9.277.500	590.577.165	433.479.874
1	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000	16.784.075
2	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000	16.784.075
3	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000	16.784.075
4	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000	16.784.075
5	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	21.797.500	1.297.500	20.500.000	16.784.075
6	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000	18.526.650
7	Xe máy Wave S	1	Wave S	Việt Nam	2014	2014	Mua mới	21.295.000	1.395.000	19.900.000	18.526.650
8	Tủ sắt CAT 09K3	8	CAT 09K3	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	27.517.600		27.517.600	16.510.560
9	Tủ tài liệu HS 03GC	1	HS 03GC	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.219.400		6.219.400	3.731.640
10	Bàn vi tính H-BT15M	8	H-BT15M	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	13.640.000		13.640.000	8.184.000
11	Két sắt	1		Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.790		6.070.790	3.642.474
12	Ghế gấp HP0298	46	HP0298	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	16.789.080		16.789.080	10.073.448
13	Ghế làm việc 1 SG550H	8	SG550H	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	5.192.000		5.192.000	3.115.200
14	Ghế làm việc 2 TQ19	1	TQ19	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	6.070.795		6.070.795	3.642.477
15	Bàn làm việc 1 MB16	14	MB16	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	37.021.600		37.021.600	22.212.960
16	Bàn làm việc 2 (HS18BA+MGTA10a+MGH40)	1	HS18BA+MGTA10a+MGH40	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	8.349.000		8.349.000	5.009.400
17	Máy đồng hồ từ DS	1	DS	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.699.400		2.699.400	1.619.640
18	Máy làm nóng lạnh nước	1		Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	3.154.800		3.154.800	1.892.880
19	Quạt cây Mitshubishi LV16-RM-CYGY	2	LV16-RM-CYGY	Thái Lan	2013	2013	Mua mới	4.730.000		4.730.000	2.838.000
20	Bảng từ di động HBV05	1	HBV05	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	2.750.000		2.750.000	1.650.000
21	Điện thoại chức năng Fax panasonic KX - FT983	1	panasonic KX - FT983	MALAYSIA	2013	2013	Mua mới	2.449.700		2.449.700	1.469.820
22	Máy tính xách tay (AUS K46CA-WX013)	1	AUS K46CA-WX013	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	19.615.000		19.615.000	11.769.000

STT	Đơn vị giao quản lý sử dụng; tên tài sản	Số lượng	Tên hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguồn hình thành	Nguyên giá			Giá trị còn lại
								Tổng cộng	Nguồn đối ứng VN	Nguồn viện trợ	
23	Máy tính xách tay Lenovo G480	3	Lenovo G480	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	45.885.000		45.885.000	32.119.500
24	Máy tính đồng bộ FANTOM F2968A	3	FANTOM F2968A	Việt Nam	2013	2013	Mua mới	47.880.000		47.880.000	33.516.000
25	Máy Photocopy SHARP AR2576	1	SHARP AR2576	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	51.870.000		51.870.000	42.144.375
26	Máy in LASER BROTHER HL-2250DN	3	BROTHER HL-2250DN	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	9.975.000		9.975.000	8.104.688
27	Máy SCAN IIP PRO 3000S2	1	PRO 3000S2	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	12.901.000		12.901.000	9.030.700
28	Máy chiếu BENQ MX660	1	BENQ MX660	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	19.950.000		19.950.000	13.965.000
29	Màn chiếu REGENT MF 84	1	REGENT MF 84	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	1.197.000		1.197.000	972.563
30	Máy ảnh CANON POWERSHOT SX 170 IS	1	POWERSHOT SX 170 IS	Nhật Bản	2013	2013	Mua mới	5.320.000		5.320.000	4.322.500
31	Máy định vị cầm tay GARMIN GPSMAP 62 SC	2	GARMIN GPSMAP 62 SC	Đài Loan	2013	2013	Mua mới	25.270.000		25.270.000	20.531.875
32	Máy điều hòa MIDEA MSM - 12CR	2	MSM - 12CR	Trung Quốc	2013	2013	Mua mới	26.600.000		26.600.000	18.620.000
33	Biển báo phòng cháy chữa cháy	9		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	27.720.000		27.720.000	22.522.500
34	Bảng cấm lửa	80		Việt Nam	2014	2014	Mua mới	11.440.000		11.440.000	9.295.000